

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống và ông Lê Quang Đầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Căn cước công dân: 09417901... cấp ngày 10/5/2021. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm D, xã N, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* Ông Phan Hoàng G, sinh năm 1970; Căn cước công dân: 09607000.... cấp ngày 10/5/2021. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm D, xã N, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Phan Hoàng G tự nguyện chung sống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau). Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp, sống với nhau không hạnh phúc, gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể duy trì bền lâu nên yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà và ông G có 02 con chung tên Phan Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/3/2003 và Phan Hoàng N, sinh ngày 05/4/2008. Sau khi ly hôn,

cháu Hoàn K1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng G1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/3/2003 và Phan Hoàng N, sinh ngày 05/4/2008. Sau khi ly hôn, cháu Hoàn K1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông đồng ý giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông G1 vắng mặt có văn bản không tham gia hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông G1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) vào ngày 04/4/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T xác định đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông G1; ông G1 đồng ý ly hôn với bà T. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của ông bà là thực tế có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Phan Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/3/2003 và Phan Hoàng N, sinh ngày 05/4/2008. Sau khi ly hôn, cháu Hoàn K1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu N ông bà thỏa thuận tiếp tục giao con cho bà T nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng cháu N nên được ghi nhận.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà T yêu cầu ông G1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; ông G1 không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Đối chiếu điều luật trên, xét thấy ông G1 không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T là có cơ sở được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông G1 có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 16/9/2025 là có căn cứ.

[5] Về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu và án phí cấp dưỡng nuôi con ông G1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T. Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phan Hoàng G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hoàng N, sinh ngày 05/4/2008 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc ông Phan Hoàng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 16/9/2025.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí hôn nhân gia đình bà T phải chịu 300.000 đồng, bà đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0012361 ngày 28/8/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Phan Hoàng G phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- UBND xã Phan Ngọc Hiền;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Kiên